TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA - V**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/LĐ-PT
Ngày: 15/10/2019
"V/v: Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – V

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa*: ông Trần Minh Bắc
- *Các thẩm phán*: bà Lý Thị Lệ Thủy
ông Phạm Trung Dũng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Phan Thị Thùy Quyên – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - V tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Vẹn – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10, 15 tháng 10 N 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa -V, xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 04/2019/TLPT-LĐ ngày 27/02/2019 về "Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động", do bản án lao động sơ thẩm số 06/2018/LĐST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố V bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐPT-LĐ ngày 06/5/2019; các quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐ-PT ngày 29/5/2019, số 12/2019/QĐ-PT ngày 12/9/2019; các quyết định tạm ngừng phiên tòa số 10/2019/QĐ-PT ngày 23/7/2019, số 12/2019/QĐ-PT ngày 12/9/2019; các quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 05/2019/QĐ-PT ngày 22/7/2019, số 01/2019/QĐ-PT ngày 07/10/2019; các Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử phúc thẩm số 03/2019/TB-TA ngày 24/6/2019, số 11/2019/TB-TA ngày 12/8/2019; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thụy Tường V, sinh N 1983; địa chỉ: phường TN, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - V. (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: bà Kha Anh L, sinh N 1992 (có mặt) + bà Phan Thị Thùy D, sinh N 1994 (vắng mặt); địa chỉ: Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – V. (theo Giấy ủy quyền lập ngày 06/12/2018)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà V: ông Nguyễn Vũ L, luật sư Văn phòng luật sư HV thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa - V. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn D; địa chỉ: Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - V.

Đại diện theo pháp luật: bà Bùi Thị D, chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt)

(Công ty đã làm thủ tục giải thể tự nguyện do kinh doanh thua lỗ)

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:

+ Bà Bùi Thị D, sinh N 1974; địa chỉ: Khu đô thị mới HL, phường TH, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Đức M, sinh N 1967, địa chỉ: khu phố A, phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

3. Người làm chứng:

3.1. Ông Nguyễn Hồng Q, sinh N 1974; địa chỉ: Khu phố A, phường P, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

3.2. Bà Nhâm Thị Y, sinh N 1986; địa chỉ: Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - V. (vắng mặt)

3.3. Ông Nguyễn Phước L, sinh N 1989; địa chỉ: Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - V. (vắng mặt)

3.4. Ông Đỗ Mạnh C, sinh N 1988; địa chỉ: Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - V. (vắng mặt)

3.5. Bà Nguyễn Thùy T, sinh N 1986; địa chỉ: phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - V. (vắng mặt)

3.6. Bà Dương Thị Tú U, sinh N 1982; địa chỉ: Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - V. (vắng mặt)

***Người kháng cáo**:* nguyên đơn Nguyễn Thụy Tường V

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 08/12/2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/7/2016 và quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Thụy Tường V và đại diện trình bày:

Ngày 08/9/2014, bà và công ty TNHH (gọi tắt là công ty) ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 01.09.2014/HĐLĐ/DĐH, công việc là giám đốc công ty, mức lương 30.000.000 đồng/tháng, lĩnh trực tiếp và ký nhận trong bảng lương tại công ty. Ngày 17/7/2015, không biết lý do gì mà công ty yêu cầu bà bàn giao các giấy tờ và con dấu lại cho công ty. Bà bàn giao con dấu và vẫn đến công ty làm việc bình thường. Ngày 21/7/2015, ông Nguyễn Đức M, chủ tịch Hội đồng thành viên gọi bà lên phòng làm việc, thông báo miệng cho bà nghỉ việc chờ giao công việc mới. Quá trình làm việc bà luôn hoàn thành công việc, không sai sót hay vi phạm nội quy công ty, nhưng ngày 31/8/2015 Hội đồng thành viên công ty ra quyết định số 04 chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà. Quyết định không đưa ra lý do, không có sự đồng ý của bà, và bà không được báo trước việc cho bà nghĩ việc.

Vì vậy, ngày 12/8/2015 bà khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của công ty là trái pháp luật và buộc công ty phải bồi thường 600.000.000 đồng. Ngày 21/7/2016, bà khởi kiện bổ sung yêu cầu công ty bồi thường 60.000.000 đồng bằng 2 tháng lương do bà không yêu cầu nhận trở lại làm việc; bồi thường 45.000.000 đồng do vi phạm thời hạn báo trước 45 ngày; bồi thường 330.000.000 đồng là lương những tháng không được làm việc tạm tính từ ngày 31/8/2015 đến tháng 7/2016 (11 tháng); trả lương tháng 8/2015 30.000.000 đồng vì bà có đi làm việc nhưng công ty chưa chi trả. Tổng cộng các khoản yêu cầu là 1.065.000.000 đồng.

Vì không chứng minh được lương thực lĩnh mỗi tháng 30.000.000 đồng, nên ngày 08/02/2018 bà có đơn cam kết xác định lương thực lĩnh là 10 - 12 triệu đồng/tháng và cam kết không có bất kỳ khiếu kiện nào khác, đề nghị áp dụng mức lương 10 triệu đồng/tháng làm căn cứ tính các khoản bồi thường. Cụ thể bà yêu cầu Tòa án:

1.1. Hủy quyết định cho thôi việc số 04/QĐHĐTV ngày 31/8/2015 của công ty TNHH D đối với bà.

1.2. Buộc công ty:

+ Trả lương tháng 8/2015 là 10.000.000 đồng;

+ Trả lương 390.000.000 đồng cho những ngày không được làm việc từ 31/8/2015 đến 30/11/2018 (39 tháng);

+ Bồi thường do chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật 20.000.000 đồng bằng 02 tháng lương;

+ Bồi thường trợ cấp thôi việc 20.000.000 đồng bằng 02 tháng lương vì bà không yêu cầu công ty nhận lại làm việc;

+ Bồi thường 15.000.000 đồng do vi phạm thời hạn thông báo trước 45 ngày.

Tổng cộng: 455.000.000 đồng.

2. Quá trình tố tụng, đại diện bị đơn công ty TNHH D trình bày:

Ngày 08/9/2014, công ty ký kết hợp đồng lao động số 06.09/2014/HĐLĐ/DĐH với bà Nguyễn Thụy Tường V, thời hạn 01 N từ ngày 08/9/2014 đến ngày 07/9/2015, chức danh là giám đốc, mức lương 5.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra, bà V được hưởng phụ cấp chức vụ, lương kinh doanh, tiền ăn trưa, tiền xăng… nên hàng tháng bà V thực lĩnh 10.000.000 đồng - 12.000.000 đồng, nhận tiền mặt ký nhận bảng lương tại công ty. Là giám đốc điều hành nhưng bà V không có trình độ chuyên môn nên không biết việc để làm, điều hành kinh doanh không phát triển, không đạt doanh thu.

Ngày 31/3/2015, công ty kiểm kê xe máy, đăng kiểm, phát hiện thiếu 01 xe Exciter RC150 và đăng kiểm kèm theo nên yêu cầu bà V cùng nhân viên bán hàng là ông N, ông C đối chiếu các mối bán sỉ, lẻ xem có việc mất xe không và tìm nguyên nhân; nhưng bà V đã không trách nhiệm trong phối hợp giải quyết vụ việc. Ngày 05/4/2015, công ty tổ chức cuộc họp gồm: ông M, bà D (hội đồng thành viên), bà V (giám đốc), bà H (kế toán) và ông N, ông C (nhân viên bán hàng) làm rõ nguyên nhân mất xe và trách nhiệm từng người. Cuộc họp kết luận: ông N, ông C và bà V phải liên đới bồi thường cho công ty, mỗi người 1/3 giá trị chiếc xe: 42.329.100 đồng : 3 = 14.109.700 đồng. Ông N, ông C đã bồi thường cho công ty. Bà V không đồng ý, không ký tên biên bản, không bồi thường, vì cho rằng bà không trực tiếp quản lý kho xe mà giao cho ông N và ông C, nên ông N và ông C phải là người bồi thường xe mất.

Bà V không có năng lực điều hành và quản lý công ty, nên ngày 29/5/2015 công ty phối hợp với YM Việt Nam đưa bà V tham gia khóa đào tạo Quản lý hoạt động tại cửa hàng YM ngày 25/6/2015, nhưng bà V tự ý rút tên khỏi danh sách, không tham gia khóa học, không báo lại cho công ty biết.

Ngày 15/7/2015, Hội đồng thành viên công ty họp nhất trí thôi bổ nhiệm chức danh giám đốc và bổ nhiệm chức danh cửa hàng trưởng đối với bà V, buộc bà V bàn giao giấy tờ tài liệu và con dấu cho công ty. Ngày 16/7/2015, bà V bàn giao

văn bản, giấy tờ tài liệu của công ty cho bà D, ngày 17/7/2015 thì bàn giao con dấu. Ngày 20/7/2015, bà V xin ứng lương tháng 7, sau đó tự ý nghỉ việc mà không xin phép công ty. Công ty đã nhiều lần gọi điện yêu cầu bà V đi làm nhưng bà V không đi. Ngày 05/8/2015, công ty gửi giấy mời bà V từ ngày 09/8/2015 đến ngày 13/8/2015 đến công ty giải quyết việc nghỉ việc, nhưng bà V không đến. Ngày 15/8/2015, công ty gửi giấy mời lần 2 yêu cầu bà V từ ngày 18/8/2015 đến ngày 27/8/2015 đến công ty giải quyết việc nghỉ việc, nhưng bà V cũng không đến. Ngày 27/8/2015, công ty tổ chức cuộc họp với 8/8 người lao động tham gia, xét thấy hành vi tự ý bỏ việc không có lý do của bà V đã vi phạm khoản 3 Điều 126 Bộ luật Lao động nên nhất trí áp dụng hình thức kỷ luật buộc thôi việc đối với bà V.

Ngày 31/8/2015, công ty chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà V là căn cứ điểm a khoản 1 Điều 38, khoản 3 Điều 126, khoản 3 Điều 125 và khoản 8 Điều 36 Bộ luật Lao động. Hợp đồng lao động với bà V hết hạn từ ngày 07/9/2015, và Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà V đến hết tháng 8/2015. Dù bà V không làm việc tháng 8/2015, nhưng công ty vẫn hỗ trợ lương cho bà V là 10.000.000 đồng, ngoài ra không đồng ý với bất kỳ yêu cầu nào khác của bà V.

Về 10.000.000 đồng do đối tác trả góp tiền tiếp thị cho nhân viên tại cửa hàng bà V đã tự ý ký hợp đồng chuyển vào tài khoản cá nhân thì công ty không có ý kiến.

3. Ý kiến người làm chứng:

3.1. *Ông Nguyễn Hồng Q*:

Ông là nhân viên công ty TNHH HB tại Bình Dương, cũng bán xe Yamaha giống công ty TNHH D. Trước N 2014, bà V làm tại Phòng tổ chức công ty TNHH HB. Đầu N 2014, bà V xin nghỉ việc nên ông giới thiệu, cùng bà V đến gặp ông M. Ông M đồng ý cho bà V thử việc điều hành kinh doanh khoảng 3 tháng tại công ty D, lương thử việc 9.000.000 đồng/tháng. Vì bà V không có trình độ chuyên môn điều hành kinh doanh, nên lập bảng lương cũng không biết nên ông M nhờ ông hướng dẫn trực tiếp giúp bà V. Bà V và ông M ký hợp đồng từ khi nào thì ông không biết, nhưng khi bà V cần ông đều hỗ trợ.

3.2. *Bà Nhâm Thị Y:*

Bà là nhân viên công ty TNHH D từ N 2012. Bà biết đối với nhân viên nào cũng vậy, sau thời gian thử việc 3 tháng, công ty sẽ ký hợp đồng lao động với người lao động. Hợp đồng được lập thành 02 bản, công ty giữ 01 bản, 01 bản nộp tại cơ quan bảo hiểm xã hội. Mức lương công ty trả dựa trên hợp đồng, ngoài lương chính còn lương doanh thu của kỹ thuật, tiền ăn trưa. Bà chính là thư ký ghi biên bản tại các cuộc họp ngày 15/7/2015, 29/8/2015. Bà V làm việc trong ngành kinh doanh xe máy không đúng chuyên môn nên thiếu năng động, không quan tâm đến việc kinh doanh của cửa hàng, trong thời gian làm giám đốc không đưa được chiến lược về quảng bá sản phẩm và chào hàng. Do giám đốc cũ là ông C1 xin nghỉ việc, nên ông M, bà D bố trí bà V làm giám đốc, tạo điều kiện để bà V phát huy, chứ ông M, bà D cũng biết bà V không có trình độ chuyên môn kinh doanh. Sau khi chuyển sang chức danh cửa hàng trưởng, bàn giao giấy tờ tài liệu và con dấu cho công ty thì bà V nghỉ

làm việc. Công ty gọi điện liên lạc yêu cầu đến làm thủ tục thôi việc, nhưng bà V không đến. Bà V tự nghỉ việc từ ngày 22/7/2015.

3.3. *Ông Nguyễn Phước L:*

Ông là nhân viên bộ phận kho và thường đi làm thủ tục giấy tờ xe cho khách hàng của công ty D từ tháng 4/2015. Về thời gian thử việc, ký hợp đồng lao động và nhận lương, ông xác nhận đúng như bà Y trình bày. Công ty giao cho tổ trưởng bộ phận theo dõi chấm công.

3.4. *Bà Nguyễn Thùy T*:

Bà là nhân viên bán hàng, cũng là người được giao chấm công theo dõi bộ phận này của công ty D từ tháng 6/2015, nhân viên trong bộ phận bán hàng cũng là người được giao chấm công theo dõi tại bộ phận này. Bà xác nhận lời trình bày của bà Y về thời gian thử việc, ký hợp đồng lao động và nhận lương là đúng. Bà V tự ý nghỉ việc không xin phép công ty từ ngày 22/7/2015.

3.5. *Ông Đỗ Mạnh C:*

Ông là nhân viên bán hàng công ty D từ N 2012. Về thời gian thử việc, ký hợp đồng lao động và nhận lương theo bà Y trình bày là đúng. N 2015, cửa hàng mất 01 chiếc xe Exciter 150, giá nhập kho 42.329.100 đồng. Ngày 05/4/2015, công ty tổ chức cuộc họp quy trách nhiệm cho ông, ông N và bà V, vì nội quy quy chế công ty quy định khi mất mát tài sản công ty thì phải bồi thường. Ông có trách nhiệm bồi thường cho công ty 14.109.700 đồng. Bà V có mặt tại cuộc họp nhưng không ký tên, không đồng ý kết luận tại cuộc họp vì cho rằng đã giao cho ông và ông N quản lý kho.

3.6. *Bà Dương Thị Tú U:*

Bà là nhân viên bán hàng tại công ty D từ N 2012. Về thời gian thử việc, ký hợp đồng lao động và nhận lương như bà Y trình bày là đúng. Bà xác nhận: bà Nguyễn Thùy T là kế toán và là người được giao chấm công bộ phận bán hàng.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 06/2018/LĐST ngày 30/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố V đã áp dụng Điều 123, khoản 3 Điều 126 Bộ luật lao động, quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thụy Tường V; ghi nhận sự tự nguyện của công ty TNHH D trả cho bà V tiền lương tháng 8/2015 là 10.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí lao động sơ thẩm, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/12/2018, bà V kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, vì: cấp sơ thẩm không khách quan, không xem xét đầy đủ các quan điểm của người đại diện theo ủy quyền của bà trình bày, các tài liệu có trong vụ án, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, và những người tham gia tố tụng đã công khai thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hợp đồng lao động giữa công ty TNHH D và bà Nguyễn Thụy Tường V được xác định theo bản Hợp đồng lao động số 06.09.2014/HĐLĐ/DĐH ngày 08/9/2014 lưu giữ tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa – V, theo đó thời hạn hợp đồng là 12 tháng từ ngày 08/9/2014 đến ngày 07/9/2015. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà V tự ý nghỉ việc từ ngày 21/7/2015 đến ngày 05/8/2015 mà không thông báo, không xin phép mặc dù công ty đã nhiều lần điện thoại yêu cầu bà đến làm việc, nên ngày 27/8/2015, công ty TNHH D đã họp và lập biên bản xử lý kỷ luật lao động việc tự ý bỏ việc không có lý do. Tuy nhiên, bà V không đến tham dự. Ngày 29/8/2015, công ty tiến hành họp hội đồng thành viên về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà V. Ngày 31/8/2015, công ty TNHH D ra quyết định số 04/QĐHĐTV chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Nguyễn Thụy Tường V. Căn cứ khoản 3 Điều 126 Bộ luật Lao động, Điều 31 Nghị định 05/2015/NĐ-CP thì việc công ty ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Nguyễn Thụy Tường V là có cơ sở, do đó yêu cầu bồi thường của bà V là không có cơ sở chấp nhận. Về trình tự, thủ tục: theo xác nhận của bà V và công ty TNHH D thì công ty đã 02 lần gửi giấy mời yêu cầu bà V đến để giải quyết nghỉ việc vào ngày 05/8/2015 và 15/8/2015. Cuộc họp xử lý kỷ luật của công ty đối với bà V ngày 27/8/2015 không có sự tham gia của bà V mặc dù đã được gửi thư mời 02 lần. Cuộc họp không có sự tham gia của Ban chấp hành công đoàn cấp trên, và công ty TNHH D cũng không gửi văn bản thông báo về việc tham dự cuộc họp xử lý kỷ luật cho Ban chấp hành công đoàn cấp trên cơ sở, khi công ty không có tổ chức công đoàn. Tại biên bản cuộc họp xử lý sa thải, công ty áp dụng khoản 3 Điều 126 Bộ luật Lao động nhưng lại ra Quyết định số 04 ngày 31/8/2015 về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 30, Điều 31 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 15/01/2015, khoản 3 Điều 123 Bộ luật Lao động thì trình tự, thủ tục ra quyết định và ban hành quyết định là không đúng. Tuy nhiên tại giai đoạn xét xử phúc thẩm , công ty TNHH đã có quyết định giải thể nên không thể bổ sung, khắc phục trình tự, thủ tục sa thải, và cũng không ảnh hưởng đến việc giải quyết nội dung vụ án. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định bản án lao động sơ thẩm số 06/2018/LĐST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thụy Tường V trong hạn luật định và đúng thủ tục tố tụng, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, xem xét theo trình tự phúc thẩm. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:*

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thụy Tường V khởi kiện công ty TNHH D (có trụ sở tại Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - V) tranh chấp liên quan hợp đồng lao động, yêu cầu

hủy quyết định chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, buộc công ty bồi thường vì chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý, xét xử sơ thẩm vụ án lao động "Tranh chấp đơn phương chám dứt hợp đồng lao động" là đúng theo quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 200 Bộ luật Lao động. Bà V kháng cáo đối với bản án lao động sơ thẩm số 06/2018/LĐST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố V. Căn cứ các Điều 38, 270, 271, 273, 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – V.

[1.2]. Về thủ tục tố tụng:

Sau khi hoãn phiên tòa phúc thẩm lần thứ nhất do nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt và có đơn yêu cầu hoãn phiên tòa, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – V nhận được thông tin công ty TNHH D đã chấm dứt hoạt động do giải thể, không còn tồn tại trên thực tế và pháp lý; nên đã tạm ngừng phiên tòa, xác minh thông tin trên. Căn cứ các tài liệu do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – V cung cấp, đã xác định rõ: công ty TNHH hai thành viên D đã làm thủ tục giải thể/chấm dứt tồn tại theo Thông báo về việc doanh nghiệp giải thể/chấm dứt tồn tại số 862/TB-ĐKKD ngày 05/6/2019 của Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – V; tình trạng pháp lý của doanh nghiệp đã được cập nhật trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; lý do giải thể: kinh doanh thua lỗ. Theo quy định tại Điều 201 Luật Doanh nghiệp thì doanh nghiệp không được giải thể khi đang là đương sự trong vụ án tại Tòa án; nhưng các Nghị định 75, 78/CP của Chính phủ về thủ tục đăng ký, quản lý doanh nghiệp không bắt buộc về thủ tục này, mà quy định: cơ quan quản lý chịu trách nhiệm về thủ tục, doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính trung thực của hồ sơ. Công ty TNHH hai thành viên D đã giải thể tự nguyện do kinh doanh thua lỗ và đã hoàn tất thủ tục, không thuộc trường hợp giải thể bắt buộc nên Tòa án cấp phúc thẩm không buộc khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp mà triệu tập các thành viên của công ty là bà Bùi Thị D, ông Nguyễn Đức M tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của công ty TNHH D, chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ phát sinh trong thời gian công ty còn tồn tại, hoạt động.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ những người tham gia tố tụng đến phiên tòa phúc thẩm, nhưng những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của công ty TNHH D là bà Bùi Thị D, ông Nguyễn Đức M; những người làm chứng gồm các ông bà: Nguyễn Hồng Q, Nhâm Thị Y, Nguyễn Phước L, Đỗ Mạnh C, Nguyễn Thùy T, Dương Thị Tú U vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm mở lại lần thứ hai sau hoãn phiên tòa do vắng mặt đương sự trong vụ án, nhưng lời khai của họ đã thể hiện rõ trong hồ sơ, ông M và bà D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định tiếp tục phiên tòa, xét xử vắng mặt những người này.

[2]. *Về nội dung vụ án*:

Ngày 31/8/2015, công ty TNHH D ban hành quyết định số 04/QĐHĐTV chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Nguyễn Thụy Tường V. Ngày 08/12/2015, bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao

động của công ty TNHH D là trái pháp luật vì quá trình làm việc bà luôn hoàn thành công việc, không sai sót hay vi phạm nội quy công ty; yêu cầu hủy quyết định số 04/QĐHĐTV nói trên và căn cứ mức lương 10.000.000 đồng/tháng buộc công ty phải bồi thường 455.000.000 đồng, gồm: 10.000.000 đồng lương của tháng 8/2015, 15.000.000 đồng cho 45 ngày không báo trước, 390.000.000 đồng là lương của 39 tháng không được làm việc từ ngày 31/8/2015 đến ngày 30/11/2018, 20.000.000 đồng bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, 20.000.000 đồng bằng 2 tháng lương trợ cấp thôi việc.

Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà V, ghi nhận sự tự nguyện của công ty TNHH D trả cho bà V tiền lương tháng 8/2015 là 10.000.000 đồng dù bà V không làm việc. Bà V kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.] *Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thụy Tường V:*

[3.1.] Về hợp đồng lao động ký kết, có hiệu lực ràng buộc trách nhiệm giữa công ty TNHH D và bà Nguyễn Thụy Tường V:

Trong hồ sơ vụ án có hai bản hợp đồng lao động. Hợp đồng số 01.09.2014/HĐLĐ/DĐH ngày 08/9/2014 do bà V xuất trình (BL 21 - 23) thể hiện hợp đồng lao động giữa bà V và công ty TNHH D là không thời hạn, mức lương 30.000.000 đồng/tháng, nếu thay đổi công việc bố trí không được người lao động đồng ý bằng văn bản thì phải bồi thường gấp 20 lần lương. Hợp đồng số 06.09.2014/HĐLĐ/DĐH ngày 08/9/2014 là kết quả thu thập chứng cứ tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa – V (BL 286A, 286B, 286C), thể hiện hợp đồng lao động giữa bà V và công ty TNHH D có thời hạn 12 tháng từ ngày 08/9/2014 đến ngày 07/9/2015, mức lương cơ bản 5.000.000 đồng/tháng.

Bản Kết luận giám định số 3320/PC54-Đ3 ngày 23/12/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa - V kết luận: các thành phần cấu thành hợp đồng lao động số 01.09.2014/HĐLĐ/DĐH ngày 08/9/2014 do bà V xuất trình có sự thay đổi cấu trúc, kết cấu văn bản không thống nhất: khác nhau về bộ phông, khác nhau về cấu trúc trình bày văn bản, khác nhau về khoảng cách lề của các trang, khác nhau về kích thước độ lớn của chữ đánh máy; hợp đồng có 03 trang, đã bị thay trang 1, 2 (BL 286).

Bà V ban đầu khởi kiện đòi bồi thường theo bản hợp đồng lao động số 01.09.2014/HĐLĐ/DĐH ngày 08/9/2014 mức lương 30 triệu đồng/tháng. Công ty TNHH D yêu cầu giám định pháp y chữ ký, chữ viết đối với bản hợp đồng bà V cung cấp và đề nghị xử lý hình sự về tội giả mạo giấy tờ tài liệu. Cơ quan điều tra Công an V không khởi tố vì không xác định được chủ thể thực hiện việc thay đổi phôi cấu thành hợp đồng. Bà V cam kết chỉ yêu cầu bồi thường áp dụng mức lương 10 triệu đồng/tháng, không khiếu nại thắc mắc về sau. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà V thừa nhận quan hệ lao động giữa bà V và công ty TNHH D theo nội dung bản Hợp đồng lao động số 06.09.2014/HĐLĐ/DĐH ngày 08/9/2014 được lưu giữ và thu thập tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa – V, cam kết không khiếu nại, thắc mắc gì về sau.

Vì vậy, Hợp đồng lao động số 06.09.2014/HĐLĐ/DĐH ngày 08/9/2014 do Tòa án thu thập tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa – V được xác định là bản hợp đồng chính thức, chứa các nội dung chính xác về quan hệ pháp luật lao động hình thành giữa công ty TNHH D và bà Nguyễn Thuỵ Tường V. Nội dung và hình thức của bản hợp đồng này phù hợp quy định tại Điều 16, Điều 23 Bộ luật Lao động, với thời hạn hợp đồng là 12 tháng, từ ngày 08/9/2014 đến ngày 07/9/2015. Ngoài lương cơ bản 5.000.000 đồng/tháng, bà V còn được phụ cấp chức vụ, lương kinh doanh, tiền ăn trưa, tiền xăng,... nên thực lĩnh 10.000.000 – 12.000.000 đồng/tháng, trả lương tiền mặt, ký nhận tại bảng lương.

[3.2.] *Xét tính hợp pháp của Quyết định số 04/QĐ-HĐTV ngày 31/8/2015 của công ty TNHH D về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Nguyễn Thuỵ Tường V.*

[3.2.1] **Về căn cứ đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động:**

Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do các đương sự xuất trình và Tòa án thu thập được theo trình tự quy định của pháp luật, lời khai của các đương sự và những người làm chứng thì thấy: bà V được công ty TNHH D hợp đồng làm Giám đốc công ty nhưng không làm tốt nhiệm vụ do không có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu của công việc, nên tổ chức điều hành kinh doanh không đạt, kết quả kinh doanh không hiệu quả, tài sản thất thoát nhưng không biết nguyên nhân vì đâu, thiếu trách nhiệm khi giải quyết vụ việc liên quan đến công việc được giao; không chấp hành việc học tập nâng cao trình độ chuyên môn khi được công ty đưa đi đào tạo chức trách nhiệm vụ do mình đảm nhiệm; không đồng ý và tự ý nghỉ việc không có lý do khi công ty luân chuyển sang chức danh cửa hàng trưởng. Công ty có lập biên bản ghi nhận sự việc xảy ra, với sự tham gia xác nhận của 8/8 người lao động trong doanh nghiệp, nhất trí với việc công ty chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà V vì bà V vi phạm quy chế làm việc, tự ý nghỉ việc, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 126 Bộ luật Lao động.

Như vậy, nội dung làm căn cứ chấm dứt hợp đồng đầy đủ: xác định trong quá trình thực hiện hợp đồng lao động, bà V đã không hoàn thành nhiệm vụ, thiếu trách nhiệm, vi phạm kỷ luật lao động, tự ý nghỉ việc, nhiều lần công ty mời đến để giải quyết chế độ hợp đồng đều không đến, nên công ty TNHH D chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà V là có căn cứ.

[3.2.1] **Về trình tự, thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động:**

[3.2.1.1.] Việc họp xác định sự việc, xác định vi phạm của bà V:

Ngày 31/3/2015, công ty TNHH D họp toàn thể công ty với 8/8 người lao động, xác định sự việc mất xe Exciter RC150 (giá nhập kho 42.329.100 đồng), yêu cầu bà V tìm nguyên nhân nhưng bà V không thực hiện. Ngày 05/4/2015, công ty tổ chức họp xác định trách nhiệm thuộc về bà V (giám đốc) và ông N, ông C (nhân viên bán hàng), phải bồi thường tài sản mất cho công ty 14.109.700 đồng/người. Bà V không nhận trách nhiệm và không đồng ý bồi thường. Ngày 17/7/2015, Hội đồng thành viên công ty TNHH D quyết định luân chuyển vị trí công tác bà V từ Giám đốc sang Cửa hàng trưởng, đồng thời cử bà V đi học tập chức danh mới do Y tổ

chức tại Hà Nội, nhưng bà V tự ý rút tên của khỏi danh sách đi học, không tham gia khóa học, không xin phép hay thông báo cho công ty biết.

Ngày 17/7/2015, bà V bàn giao tài liệu, giấy tờ và con dấu của công ty và tự ý nghỉ việc không xin phép. Vì vậy, bà V vắng mặt khi Đoàn kiểm tra của UBND thành phố V về bảo vệ môi trường đến kiểm tra công ty ngày 20/7/2015, khi Đoàn kiểm tra của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bà Rịa - V kiểm tra về việc chấp hành pháp luật lao động, bảo hiểm xã hội tại công ty ngày 14/8/2015. Công ty đã điện thoại và hai lần gửi giấy mời (ngày 05/8/2015 và ngày 15/8/2015) yêu cầu bà V đến công ty làm việc hoặc làm đơn xin thôi việc nếu không tiếp tục làm nhưng bà V không hợp tác. Bà Trang phụ trách bộ phận chấm công xác nhận bà V chỉ đến ứng lương ngày 20/7/2015, và tự ý nghỉ việc không lý do từ ngày 19/7/2015. Ngày 27/8/2015, công ty lập biên bản xử lý hành vi tự ý bỏ việc của bà V, có sự tham gia xác nhận sự việc, đồng ý của 8/8 người lao động trong doanh nghiệp là bà V đã vi phạm khoản 3 Điều 126 Bộ luật Lao động. Ngày 31/8/2015, công ty TNHH D ban hành Quyết định số 04/QĐ-HĐTV chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà V.

[3.2.1.2.] Như vậy, thủ tục xử lý kỷ luật của công ty đối với hành vi vi phạm kỷ luật lao động (không hoàn thành nhiệm vụ, thiếu trách nhiệm, tự ý bỏ việc) của bà V thiếu sự tham gia của đại diện công đoàn cơ sở cấp trên vì doanh nghiệp không thành lập tổ chức công đoàn. Tuy vậy, việc tổ chức các cuộc họp có sự tham gia của toàn thể 8/8 người lao động trong doanh nghiệp, có thông báo cho bà V biết nhưng bà V không tham gia, bà V không có mặt ở địa chỉ và thay đổi chỗ ở nên bưu điện không gửi được thư mời. Ý kiến của toàn thể người lao động trong doanh nghiệp thống nhất xác định sự việc bà V vi phạm kỷ luật lao động, thiếu trách nhiệm, không tuân thủ điều động phân công của công ty, đồng ý với việc công ty chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà V. Hơn nữa, hợp đồng lao động giữa công ty với bà V tính đến ngày ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động 31/8/2015 chỉ còn 7 ngày. Đến ngày 07/9/2015 thì hợp đồng lao động này đương nhiên hết hiệu lực vì công ty không ký lại hợp đồng lao động với bà V. Vì vậy, việc công ty không đảm bảo thời hạn 30 ngày thông báo trước việc chấm dứt hợp đồng không ảnh hưởng đến quyền lợi người lao động trong việc tính toán sắp xếp việc làm mới, bởi bà V là người chủ động tự ý bỏ việc. Đến nay, công ty TNHH D đã tự nguyện giải thể do kinh doanh thua lỗ nên việc yêu cầu công ty hoàn chỉnh về hình thức, trình tự, thủ tục đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật là không thể thực hiện vì chủ thể không còn tồn tại trên thực tế.

[3.2.1.3.] Vì thế, việc công ty TNHH D đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Nguyễn Thụy Tường V theo Quyết định số 04/QĐ-HĐTV ngày 31/8/2015 là có căn cứ về nội dung và cơ bản đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 123 Bộ luật Lao động.

[3.2.2.] **Về ý kiến của bà V cho rằng bà không tự ý nghỉ việc mà nghỉ việc có sự đồng ý của ông Nguyễn Đức M, chủ tịch Hội đồng thành viên công ty:**

Bà V trình bày, ngày 17/7/2015 công ty buộc bà giao giấy tờ tài liệu và con dấu; ông M gọi bà lên phòng bảo bà nghỉ chờ giao nhiệm vụ mới. Bà V cung cấp đoạn ghi âm do bà thực hiện hồi 11h20’ ngày 18/9/2015 thể hiện nội dung cuộc nói chuyện giữa bà và ông M. Trong đoạn ghi âm có giọng một người nam và giọng một

người nữ, theo bà V là giọng ông M và giọng bà. Tuy nhiên, nội dung đoạn ghi âm không thể hiện việc công ty D cho bà V nghỉ làm từ ngày 18/5/2015 đến hết ngày 31/8/2015, như bà V trình bày. Giọng người nữ trong đoạn ghi âm chủ động đặt các vấn đề đề nghị trả lương, giải quyết nghỉ việc, nhưng giọng người nam không thể hiện việc đồng ý giải quyết cho nghỉ việc.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà V xác định ngoài đoạn ghi âm trên, bà V không có chứng cứ nào chứng minh cho việc mình nghỉ làm việc từ ngày 17/7/2015 đến ngày 31/8/2015 là được sự đồng ý của lãnh đạo công ty TNHH D. Vì vậy, bà V cho rằng bà không tự ý nghỉ việc mà nghỉ việc có sự đồng ý của lãnh đạo công ty là không có cơ sở.

[4.] Từ những phân tích và nhận định ở trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thụy Tường V, ghi nhận sự tự nguyện của công ty TNHH D trả lương tháng 8/2015 10.000.000 đồng cho bà V là có cơ sở và đúng pháp luật. Kháng cáo của bà V yêu cầu sửa án sơ thẩm không có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà V, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5.] *Về chi phí giám định:* chi phí giám định là 6.650.000 đồng, công ty TNHH D tự nguyện nộp và đã nộp xong.

[6.] *Về án phí lao động sơ thẩm:* Miễn án phí cho bà V theo luật định. Công ty TNHH D phải nộp án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ tự nguyện phải thực hiện là 300.000 đồng.

[7.] *Về án phí lao động phúc thẩm:* Miễn án phí cho bà V kháng cáo nhưng không được chấp nhận theo luật định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thụy Tường V; giữ nguyên quyết định của bản án lao động sơ thẩm số 06/2018/LĐST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố V.

Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 38, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, khoản 3 Điều 296, các Điều 270, 271, 273, 293, 147, 148, 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 123, khoản 3 Điều 126 Bộ luật Lao động; điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Pháp lệnh số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thụy Tường V đối với công ty TNHH D về việc "Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động" và buộc công ty bồi thường các khoản do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của công ty TNHH D trả cho bà V tiền lương tháng 8/2015 là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Vì công ty TNHH D đã giải thể nên ông Nguyễn Đức M, bà Bùi Thị D có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ này.

3. Chấm dứt hợp đồng lao động số 06.09/2014/HĐLĐ-DĐH ngày 08/9/2014 giữa bà Nguyễn Thụy Tường V và công ty TNHH D.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. *Chi phí giám định:*

Công ty TNHH D tự nguyện nộp và đã nộp xong 6.650.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm N mươi nghìn đồng).

5. *Án phí lao động sơ thẩm:*

Miễn án phí cho bà Nguyễn Thụy Tường V.

Công ty TNHH D nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí có giá ngạch. Vì công ty TNHH D đã giải thể nên ông Nguyễn Đức M, bà Bùi Thị D có nghĩa vụ nộp án phí này.

6. *Án phí lao động phúc thẩm:*

Miễn án phí cho bà Nguyễn Thụy Tường V.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (15/10/2019).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – V;
- Tòa án nhân dân thành phố V;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố V;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (3): NV, Tòa Kinh tế, hồ sơ.

Trần Minh Bắc